TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH TRÌ** **TP HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 62/2018/HSST
Ngày: 22/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ, TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Thang - Giáo viên nghỉ hưu

2. Ông Nguyễn Tùng Mậu

***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*:** Bà Trần Thị Thu Hiền - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Thanh trì, TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Hằng - Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh trì xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 63/2018/HSST ngày 26/4/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **NGUYỄN VĂN Q** - Sinh ngày 30/10/1994 tại Hà Nội

ĐKHKTT: thôn P, xã H, huyện T, TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Tự do Trình độ văn hoá: 1/12

Con ông: Nguyễn Văn T Con bà: Đào Thị T

Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 chị em.

- TATS: không

(Danh chỉ bản số 0254 do công an huyện T, TP Hà Nội lập ngày 14/7/2017)

Bắt khẩn cấp và tạm giữ ngày 13/7/2017, tạm giam ngày 22/7/2017

Hủy bỏ biện pháp tạm giam ngày 31/12/2017. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Q: Ông Nguyễn Văn T - SN 1968 và bà Đào Thị T - SN 1970 (là bố mẹ đẻ bị cáo) (Ông T vắng mặt, bà T có mặt tại phiên tòa)

Cư trú tại: thôn P, xã H, huyện T, TP Hà Nội.

Người bào chữa cho cho bị cáo Q: Ông Lại Xuân C - SN 1979, Luật sư Văn phòng Luật sư Q; địa chỉ: tổ 2 cụm 1, phường K, quận T, TP Hà Nội (ông C có mặt tại phiên tòa)

- *Người bị hại:* Chị Ngô Thị V - SN 1976 (Có mặt)

Cư trú tại: thôn T, xã H, huyện T, TP Hà Nội.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1/ Anh Phạm Ngọc A - SN 1987 (Vắng mặt)

Cư trú tại: khu phố 3, thị trấn B, huyện N, tỉnh T

2/ Bà Đào Thị T - SN 1970 (Có mặt)

Cư trú tại: thôn P, xã H, huyện T, TP Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09/7/2017, Nguyễn Văn Q sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Mobel có sim số thuê bao là 01666398817 của bà Đào Thị T (là mẹ của Q) gọi tới số điện thoại trên mạng internet của anh Phạm Ngọc A là người bán hàng để đặt mua 01 chiếc bơm tay với giá 1.000.000 đồng. Q nói với người bán hàng tên người nhận hàng là Nguyễn Văn S, địa chỉ ở thôn P, xã H, huyện T, TP Hà Nội. Đến khoảng 16h 30’ ngày 12/7/2017, chị Ngô Thị V là nhân viên bưu tá của Bưu điện huyện T đến giao hàng cho Q tại ngõ 7, thôn P, xã H, huyện T, TP H. Khi gặp Q, chị V đưa bưu phẩm cho Q xem và bảo Q thanh toán 1.000.000 đồng. Thấy Q không thanh toán tiền và định bóc bưu kiện ra xem, chị V không đồng ý và lấy lại bưu kiện rồi để ở phía trước trên khung xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu xanh, BKS 29M1-272.08. Lúc này Q bảo chị V: ”Chị bỏ tiền ra trả lại cho em”. Chị V nói: “Em có tờ nào to hơn 1.000.000 đồng không để chị trả lại?” và đồng thời lấy tiền ra cầm trong lòng bàn tay trái để trả lại cho Q. Ngay lúc này Q liền giật bưu kiện đang để trên khung xe của chị rồi nhanh chóng tẩu thoát. Chị V đã hô hoán: “Cướp, cướp” và đuổi theo Q nhưng không kịp. Sau đó chị V đã đến cơ quan Công an trình báo. Sau khi lấy được tài sản, Q chạy bộ về nhà, kiểm tra chiếc bơm bên trong bưu kiện rồi cất giấu dưới gầm giường trong phòng ngủ của mình và đi ra quán internet chơi. Đến tối cùng ngày, sau khi nghe Q kể lại sự việc, bà T là mẹ của Q đã đến nhà chị V và trả cho chị V số tiền 1.000.000 đồng

Cơ quan Điều tra - Công an huyện T đã thu giữ của Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell có sim số thuê bao là 01666398817 và 01 chiếc bơm tay.

Bản kết luận định giá tài sản số 191/KLĐG ngày 17/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T đã kết luận: 01chiếc bơm tay xe máy trị giá 200.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người đại diện hợp pháp của bị cáo không khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản này.

Quá trình điều tra thấy Q có dấu hiệu bị bệnh tâm thần nên ngày 09/10/2017, Cơ quan Điều tra - Công an huyện T đã ra quyết định trưng cầu giám định số 39/QĐ-CQĐT/ĐTTH đối với Nguyễn Văn Q. Tại bản Kết luận giám định pháp y tâm thần số 24/KLGĐ ngày 16/02/2018 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương - Bộ Y tế kết luận: tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định, Nguyễn Văn Q bị bệnh chậm phát triển tâm thần nhẹ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F70. Tại các thời điểm trên bị can hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Vấn đề năng lực trách nhiệm hình sự thuộc thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng.

Tại Cơ quan Điều tra, chị V khai: trước khi Q giật bưu kiện bên trong có chiếc máy bơm tay nói trên, Q đã có hành vi giằng co và cướp giật số tiền khoảng 4.000.000 đồng trên tay chị. Trong quá trình điều tra, Q khai nhận có hành vi cướp giật bưu kiện nhưng không thừa nhận cướp giật số tiền trên của chị V. Do đó, không có đủ căn cứ xác định Q đã thực hiện hành vi cướp giật tiền của chị V.

Ngày 18/3/2018, chị V và Bưu điện huyện T đã trả số tiền 1.000.0000 đồng cho anh Phạm Ngọc A. Anh Ngọc A đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu gì về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKSTT ngày 18/4/2018, VKSND huyện Thanh Trì truy tố Nguyễn Văn Q về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 136 - BLHS 1999.

Tại phiên toà:

Chị V khai: chị không quen biết bị cáo Q. Ngày hôm đó cơ quan giao cho chị mang bưu kiện đến giao cho Q tại khu vực ngõ 7, thôn P, xã H, huyện T, Hà Nội. Thông thường khi đi giao hàng cho người mua, người mua hàng phải thanh toán tiền cho chị trước rồi chị mới giao hàng. Hôm đó khi gặp chị, Q đòi xem hàng trước nhưng chị không đồng ý. Chị để bưu kiện trên xe máy của chị và bảo Q thanh toán tiền. Q không thanh toán và khi thấy chị đang cầm tiền hàng ở tay trái thì Q vồ lấy tay trái của chị. Hai bên giằng co nên Q không lấy được tiền. Sau đó Q đã giật lấy bưu kiện trên xe máy của chị rồi nhanh chóng tẩu thoát. Theo phản xa nên chị đã hô cướp. Sự việc trên diễn ra không có ai chứng kiến. Sau khi sự việc xảy ra, chị V đã nhận số tiền 1.000.000 đồng bà T trả

và chị đã hoàn số tiền này cho anh Phạm Ngọc A. Tại phiên tòa hôm nay, chị có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Q và không yêu cầu gì khác.

Bị cáo khai: nội dung bản cáo trạng truy tố đúng hành vi bị cáo đã thực hiện, bị cáo thấy được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, hối hận và đề nghị Tòa xem xét, giảm nhẹ hình phạt. Đối với hành vi cướp giật tiền như chị V khai, bị cáo không thừa nhận. Bị cáo khẳng định chỉ thực hiện hành vi cướp giật bưu kiện để trên xe máy của chị V rồi chạy thẳng về nhà cất giấu, chứ bị cáo không cướp giật tiền trên tay chị V. Sau đó bị cáo bảo bà T mang tiền đi trả cho chị V.

Bà T khai: bà đi làm để điện thoại ở nhà nên Q tự ý lấy điện thoại để gọi điện mua hàng qua mạng. Hôm xảy ra sự việc Q lấy bưu kiện của chị V, bà không biết. Sau đó bà đã tự nguyện bồi thường cho chị V số tiền 1.000.000 đồng. Bà cho Q số tiền này và không yêu cầu bị cáo hoàn trả.

Đại diện VKSND huyện Thanh Trì giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án về tội cướp giật tài sản. Giao bị cáo cho UBND xã H, huyện T, TP Hà Nội quản lý trong thời gian thử thách.

Về vật chứng:

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc bơm tay

- Trả lại cho bà T: 01 điện thoại Mobell màu đen

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Ngày 09/7/2017, Nguyễn Văn Q đã đặt mua qua mạng 01 chiếc bơm tay của anh Phạm Ngọc A. Khoảng 16h30 ngày 12/7/2017, tại khu vực ngõ 7, thôn P, xã H, huyện T, TP Hà Nội, khi chị Ngô Thị V là bưu tá của bưu điện huyện T đến giao bưu kiện bên trong có chiếc bơm tay cho Q, Q không thanh toán tiền và đã có hành vi cướp giật bưu kiện bên trong có chiếc bơm tay rồi nhanh chóng tẩu thoát. Chiếc bơm tay trên có trị giá 200.000 đồng

[2] Như vậy, đối chiếu với quy định của pháp luật thì hành vi nêu trên của Nguyễn Văn Q đã phạm vào tội "Cướp giật tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 136 - BLHS 1999. VKSND huyện Thanh Trì truy các tố bị cáo ra xét xử theo tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ pháp lý.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, do vậy cần thiết xử lý bị cáo bằng pháp luật để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; đại diện hợp pháp của bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; tài sản phạm tội có giá trị không lớn và đã thu hồi trả người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo đã bị giữ, tạm giam (từ ngày 13/7/2017 đến ngày 31/12/2017) nên có thể xử phạt bị cáo mức án dưới khung hình phạt và bằng thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục bị cáo.

[4] Đối với lời khai của người bị hại về việc bị Q cướp giật tiền trên tay: bị cáo không thừa nhận hành vi này, sự việc không có người làm chứng, không có hậu quả xảy ra. Do đó, không có đủ căn cứ xác định Q đã thực hiện hành vi cướp giật tiền của chị V.

Về dân sự: người bị hại, người liên quan đã được bồi thường, không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về vật chứng:

- Đối với 01 chiếc bơm tay đã thu giữ của bị cáo: vào thời điểm phạm tội, chiếc bơm này chưa phải là tài sản bị cáo mua nên đây là vật chứng của vụ án, do đó tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell: xét đây là tài sản của bà T nên trả lại cho bà T

Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về án phí: bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 136 - BLTTHS 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Về quyền kháng cáo: bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 333 - BLTTHS 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Nguyễn Văn Q phạm tội "Cướp giật tài sản"

Áp dụng khoản 1 Điều 136 - BLHS 1999; các điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 - BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017

Xử phạt: phạt **Nguyễn Văn Q 05** (*năm*) **tháng 18** (*mười tám*) **ngày tù** được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2017 đến ngày 31/12/2017. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

**** Về vật chứng:*** áp dụng Điều 106 - BLTTHS 2015

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc bơm xe bằng kim loại sáng màu dài 58cm, thân ống hình trụ tròn đường kính 2,5cm, tay cầm bằng nhựa màu đen dài 25cm, dây ống bơm dài 58cm (đã chuyển Thi hành án dân sự huyện T tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/5/2018)

- Trả lại cho bà Đào Thị T 01 điện thoại di động đã cũ nhãn hiệu Mobell màu đen, viền đỏ số imei 810033600032720 có số sim là 01666398817 (đã chuyển Thi hành án dân sự huyện T tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 16/5/2018).

* ***Về án phí:*** áp dụng Điều 136 - BLTTH 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST

**** Về quyền kháng cáo:*** áp dụng các Điều 331, 333 - BLTTHS 2015

Bị cáo và người đại diện cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Đào Thị T có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh Phạm Ngọc A có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

**** Về việc thi hành án***: áp dụng Điều 26 - Luật thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Mai Thu

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
TP HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Thang - Giáo viên nghỉ hưu

2. Ông Nguyễn Tùng Mậu

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 - Bộ luật tố tụng hình sự 2015

Vào hồi 11 giờ 00 phút ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành nghị án đối với vụ án hình sự thụ lý số 63/2018/HSST ngày 26/4/2018 đối với Nguyễn Văn Quyết bị truy tố về tội "Cướp giật tài sản" theo khoản 1 Điều 136 - BLHS 1999

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh: Nguyễn Văn Quyết phạm tội "Cướp giật tài sản"

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

2. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 136; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54; Điều 38 - BLHS 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Các Điều 106, 136, 331, 333 - BLTTHS 2015; Điều 26 - Luật thi hành án; điểm a khoản 1 Điều 23 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

3. Về mức hình phạt: phạt **Nguyễn Văn Quyết 05** (*năm*) **tháng 18** (*mười tám*) **ngày tù** được trừ vào thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/7/2017 đến ngày 31/12/2017. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

4. Về các vấn đề khác:

4.1/ Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người bị hạn chế khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi; đại diện hợp pháp của bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; tài sản phạm tội có giá trị không lớn và đã thu hồi trả người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo

4.2/ Tình tiết tăng nặng: không

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

5. Về vật chứng: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 chiếc bơm xe bằng kim loại sáng màu dài 58cm, thân ống hình trụ tròn đường kính 2,5cm, tay cầm bằng nhựa màu đen dài 25cm, dây ống bơm dài 58cm

Trả lại cho bà Đào Thị Tỉnh 01 điện thoại di động đã cũ nhãn hiệu Mobell màu đen, viền đỏ số imei 810033600032720 có số sim là 01666398817

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

6. Về án phí**:** bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người đại diện cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Đào Thị Tỉnh có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Anh Phạm Ngọc Anh có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

8. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Kết quả biểu quyết: 3/3 = 100%

Biên bản thông qua hồi 11 giờ 45 cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

Các Hội thẩm nhân dân: **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:**